CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP ***JANUS GROUP JOINT STOCK COMPANY*** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ***THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*** ***Independence - Freedom - Happiness*** ----------
Số/No.: 291./TCO- CBTT	TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026 *HCM city, May 29, 2026*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISION'S PORTAL AND HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *HCM City Stock Exchange*

1. **Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP**

   Organization name: JANUS GROUP JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ *Security Symbol*: TCO
- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10, Vietcombank Tower, Số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

  Address: 10th Floor, Vietcombank Tower, 5 Cong Truong Me Linh Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại/ *Telephone*: 0902498777
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông/ Mr. Nguyễn Thế An

  Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐24h ☐theo yêu cầu

  Information disclosure type: ☒ *Periodic* ☐*Irregular* ☐*24 hours* ☐*On demand*

2. **Nội dung thông tin công bố (*)/ Content of Information disclosure (*)**:

   Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét kèm giải trình (bản Tiếng Việt)

   Reviewed separate interim financial statements accompanied by an explanatory letter (Vietnamese version).

3. **Công ty đã đăng tải các tài liệu này trên website tại địa chỉ:** https://tcoholdings.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu.html.

   We have also posted these documents on our website at: https://tcoholdings.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu.html.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any mispresentation.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

AUTHORIZED PERSON FOR INFORMATION DISCLOSURE

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
JANUS GROUP
M.S.D.N:0200793081

NGUYỄN THẾ AN

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Sài Gòn, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0200793081
Reason: I am approving this document
Location:
Date: 2026-05-29 19:12:41
Foxit Reader Version: 9.0.0

JANUS GROUP

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
----------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2905.1/2026/CV-TCO	----------***----------

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026

CÔNG VĂN

(v/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2026 trước và sau soát xét)

***Kính gửi*: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**
Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và*
- *Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh từ 1/10/2025 đến 31/3/2026 và so với cùng kỳ năm trước của Công ty Cổ phần Janus Group..*

Công ty Cổ phần Janus Group xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN trước và sau soát xét trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

Đơn vị tính:VND

Chỉ tiêu	Sau soát xét	Trước soát xét	Chênh lệch	
			+/-	%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.935.898.262	25.697.314.466	(1.761.416.204)	-6,9%

Lợi nhuận sau thuế TNDN giảm 1,7 tỷ (tương đương 6.9%) chủ yếu do trích bổ sung chi phí lãi trái phiếu.

Công ty xin được giải trình như trên.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
JANUS GROUP
M.S.D.N:0200793081

CHING HENG HOE

CÔNG TY CỔ PHẦN TCO HOLDINGS

Số: 2905.3/2026/CV-TCO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------***----------

Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 05 năm 2026

CÔNG VĂN

(v/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét năm 2026)

***Kính gửi*: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước**
Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- *Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; và*
- *Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh từ 1/10/2025 đến 31/3/2026 và so với cùng kỳ năm trước của Công ty Cổ phần Janus Group.*

Công ty Cổ phần Janus Group xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Từ 1/10/2025 đến 31/3/2026	Từ 1/10/2024 đến 31/3/2025	Biến động	
			Giá trị	%
Lợi nhuận sau thuế	*23.935.898.262*	*27.595.453.238*	*(3.659.554.976)*	*-13,3%*

Lợi nhuận sau thuế TNDN giai đoạn 1/10/2025 đến 31/3/2026 giảm 3,7 tỷ (tương đương 13,3%) so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân sau:

- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh gạo giảm 21 tỷ. Năm nay gần như toàn như toàn bộ hoạt động kinh doanh chuyển xuống công ty con. Thêm vào đó, quý 4.2024 giá bán gạo cao, các đơn hàng đều có lợi nhuận;
- Lợi nhuận hoạt động tài chính tăng 19,6 tỷ so với cùng kỳ chủ yếu đến do lãi thoái vốn công ty con;
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tăng 2,3 tỷ.

Công ty xin được giải trình như trên.

Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
JANUS GROUP
M.S.D.N:0200729081

CHING HENG HOE

Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
(Tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần TCO Holdings)
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 25

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Janus Group (gọi tắt là "Công ty", tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần TCO Holdings) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thái Huy	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)
Ông Ching Heng Hoe	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)
Ông Shen Tai-An	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)
Ông Su Yan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)
Ông Võ Ngọc Thiêm	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị

Ông Võ Ngọc Thiêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thái Huy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)

Tổng Giám đốc

Ông Ching Heng Hoe	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2026)
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2026)

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
JANUS GROUP
M.S.D.N:0200795081

Ching Heng Hoe
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 5 năm 2026

Deloitte.

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza
16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
Điện thoại: +84 24 710 50000
www.deloitte.com/vn

Số: 1304 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Janus Group

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Janus Group (gọi tắt là "Công ty", tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần TCO Holdings), được lập ngày 28 tháng 5 năm 2026, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Deloitte là tên gọi dùng để chỉ Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL"), hoặc mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu, và các đơn vị liên quan của các hãng thành viên (gọi chung là "Tổ chức Deloitte"). DTTL (hay còn gọi là "Deloitte Toàn cầu") và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan là các pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không chịu trách nhiệm hoặc bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi hãng thành viên cũng như các đơn vị liên quan chỉ chịu trách nhiệm cho các hành vi và thiếu sót của riêng mình, không chịu trách nhiệm cho hành vi hoặc thiếu sót của các bên còn lại. DTTL không cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Vui lòng truy cập www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 23 tháng 12 năm 2025 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 chưa được soát xét.

M.S.D.N: 0100112500 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Lan Hương
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0898-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 5 năm 2026
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**274.274.101.172**	**138.045.449.277**
I.	**Tiền**	**110**	**5**	**4.640.777.117**	**1.981.000.889**
1.	Tiền	111		4.640.777.117	1.981.000.889
II.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**268.903.883.580**	**116.209.680.945**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	164.013.000.000	25.672.120.000
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	59.974.350.149	59.309.132.000
3.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	22	23.074.330.000	9.706.330.000
4.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	21.842.203.431	21.522.098.945
III.	**Hàng tồn kho**	**140**		**-**	**18.433.330.000**
1.	Hàng tồn kho	141		-	18.433.330.000
IV.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**729.440.475**	**1.421.437.443**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		66.020.505	18.562.335
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		658.798.018	1.402.875.108
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	9	4.621.952	-
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**479.293.595.099**	**596.064.527.197**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		**511.342.260**	**511.342.260**
1.	Phải thu dài hạn khác	216	8	511.342.260	511.342.260
II.	**Đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**10**	**478.620.000.000**	**595.290.000.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		478.620.000.000	595.290.000.000
III.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**162.252.839**	**263.184.937**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		162.252.839	263.184.937
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**753.567.696.271**	**734.109.976.474**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C.	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**359.763.919.299**	**364.242.097.764**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**359.065.629.849**	**364.242.097.764**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311		192.894.891	338.402.361
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	26.345.808.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	3.575.891.327	20.468.482
4.	Phải trả người lao động	314		236.607.509	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	20.581.319.221	7.234.268.585
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319		565.523.700	563.393.500
7.	Vay ngắn hạn	320	12	332.433.782.584	328.260.146.219
8.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.479.610.617	1.479.610.617
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**698.289.450**	**-**
1.	Vay dài hạn	338		698.289.450	-
D.	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**393.803.776.972**	**369.867.878.710**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**13**	**393.803.776.972**	**369.867.878.710**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.206.220.000	313.206.220.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*313.206.220.000*	*313.206.220.000*
2.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		2.363.636.364	2.363.636.364
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.233.920.608	54.298.022.346
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*54.298.022.346*	*28.358.289.107*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	*421b*		*23.935.898.262*	*25.939.733.239*
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**753.567.696.271**	**734.109.976.474**

Nguyễn Thế An
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Ching Heng Hoe
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 5 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**14**	**1.338.109.790**	**21.795.972.100**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**		**1.338.109.790**	**21.795.972.100**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	1.128.275.870	567.234.700
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**209.833.920**	**21.228.737.400**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	46.991.728.031	23.359.108.839
6.	Chi phí tài chính	22	18	15.310.687.001	10.961.928.745
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*15.060.686.999*	*10.961.928.745*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	4.379.066.934	4.785.105.922
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)**	**30**		**27.511.808.016**	**28.840.811.572**
9.	Thu nhập khác	31		-	73
10.	Chi phí khác	32		18.427	13.429.333
11.	**(Lỗ) khác (40=31-32)**	**40**		**(18.427)**	**(13.429.260)**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**27.511.789.589**	**28.827.382.312**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	3.575.891.327	1.191.373.047
14.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)**	**60**		**23.935.898.262**	**27.636.009.265**

Nguyễn Thế An
Người lập biểu/Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
JANUS GROUP
M.S.D.N: 0200729081

Ching Heng Hoe
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**			
1.	***Lợi nhuận trước thuế***	***01***	***27.511.789.589***	***28.827.382.312***
2.	***Điều chỉnh cho các khoản:***			
	(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(46.991.728.031)	(23.359.108.839)
	Chi phí lãi vay	06	15.310.687.001	10.961.928.745
3.	***Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***	***08***	***(4.169.251.441)***	***16.430.202.218***
	Thay đổi các khoản phải thu	09	25.074.629.989	(81.558.739.384)
	Thay đổi hàng tồn kho	10	18.433.330.000	-
	Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(23.161.120.430)	56.200.374.120
	Thay đổi chi phí trả trước	12	53.473.928	119.096.416
	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.713.636.363)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***14.517.425.683***	***(8.809.066.630)***
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**			
1.	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20.905.000.000)	(214.000.000)
2.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	7.537.000.000	254.000.000
3.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(18.290.000.000)
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	350.545	24.590.768.839
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(13.367.649.455)***	***6.340.768.839***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
1.	Tiền thu từ đi vay	33	1.820.000.000	20.081.580.000
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(310.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***1.510.000.000***	***20.081.580.000***
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**	**2.659.776.228**	**17.613.282.209**
	Tiền đầu kỳ	**60**	**1.981.000.889**	**5.579.770**
	Tiền cuối kỳ (70=50+60)	**70**	**4.640.777.117**	**17.618.861.979**

Nguyễn Thế An
Người lập biểu/Kế toán trưởng

Ching Heng Hoe
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 5 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Janus Group (gọi tắt là "Công ty", tên gọi trước đây là Công ty Cổ phần TCO Holdings) được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0200793081 do Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng) cấp ngày 14 tháng 3 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 24 ngày 12 tháng 5 năm 2026.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 09/2012/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 27 tháng 02 năm 2012 với mã chứng khoán là TCO.

Công ty có trụ sở chính tại Lầu 10, Vietcombank Tower, số 5 Công Trường Mê Linh, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2026 là 7 người (ngày 30 tháng 9 năm 2025: 8 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh gạo;
- Cho thuê văn phòng,
- Hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chuyển nhượng Công ty Cổ phần TCO Logistics

Thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07.2/2026/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2026, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần TCO Logistics cho một đối tác với giá chuyển nhượng là 163.338.000.000 VND vào ngày 31 tháng 3 năm 2026. Theo đó, Công ty Cổ phần TCO Logistics và Công ty TNHH Một thành viên Logistics - công ty con của Công ty Cổ phần TCO Logistics không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Công ty có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp (tại ngày 30 tháng 9 năm 2025: 3 công ty con trực tiếp và 2 công ty con gián tiếp).

Thông tin chi tiết về các công ty con trực tiếp và gián tiếp như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Hoạt động chính
			Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
	Công ty con trực tiếp						
1.	Công ty Cổ phần TCO Agri (i)	Hồ Chí Minh	99,958%	99,958%	99,958%	99,958%	Bán buôn và xuất nhập khẩu gạo
2.	Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Hồ Chí Minh	99,986%	99,986%	99,986%	99,986%	Kinh doanh bất động sản
3.	Công ty Cổ phần TCO Logistics	Hồ Chí Minh	Đã thoái vốn		99,957%	99,957%	Dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ
	Công ty con gián tiếp						
1.	Công ty TNHH Đầu tư Enterprise	Hồ Chí Minh	99,986%	100%	99,986%	100%	Cho thuê văn phòng
2.	Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics	Hồ Chí Minh	Đã thoái vốn		99,957%	100%	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

(i) Theo Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐQT ngày 10 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương chuyển nhượng 49% cổ phần, tương đương với 12.000.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần TCO Agri với giá chuyển nhượng không thấp hơn 10.000 VND/cổ phần và dự kiến thực hiện trước ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025 chưa được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước),
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200,
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200, và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và khó có khả năng thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán, trừ khi áp dụng phương pháp tính khác hợp lý hơn.

Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, cho vay

Lãi tiền gửi, cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận

cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.640.777.117	1.981.000.889
	4.640.777.117	**1.981.000.889**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ông Nguyễn Đình Thâu	163.338.000.000	-
Công ty Cổ phần TCO Agri	486.000.000	297.000.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	189.000.000	-
Công ty Cổ phần Ecograins	-	25.175.620.000
Khác	-	199.500.000
	164.013.000.000	**25.672.120.000**
Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**675.000.000**	**297.000.000**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần TCO Agri	30.380.927.500	26.062.371.750
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu An Vi	29.523.000.000	32.985.019.050
Khác	70.422.649	261.741.200
	59.974.350.149	**59.309.132.000**
Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**30.380.927.500**	**26.062.371.750**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải thu	21.290.500.000	21.290.500.000
Phải thu lãi cho vay	544.703.431	221.325.945
Phải thu ngắn hạn khác	7.000.000	10.273.000
	21.842.203.431	**21.522.098.945**
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**21.835.203.431**	**21.515.098.945**
b. Dài hạn		
Ký quỹ	511.342.260	511.342.260
	511.342.260	**511.342.260**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp/thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp/thu trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.621.952	-	4.621.952
	-	**4.621.952**	**-**	**4.621.952**
b. Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.575.891.327	-	3.575.891.327
Thuế thu nhập cá nhân	20.468.482	58.739.830	79.208.312	-
	20.468.482	**3.634.631.157**	**79.208.312**	**3.575.891.327**

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
			VND			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần TCO Real Estate (ii)	358.670.000.000	-	(i)	358.670.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần TCO Agri	119.950.000.000	-	(i)	119.950.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần TCO Logistics	-	-	(i)	116.670.000.000	-	(i)
	478.620.000.000	**-**		**595.290.000.000**	**-**	

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào công ty chưa niêm yết.

(ii) Công ty thế chấp phần vốn góp trị giá 260.000.000.000 VND tại Công ty Cổ phần TCO Real Estate để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần TCO Real Estate tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp Việt Nam - Chi nhánh 5.

Tình hình hoạt động của các công ty con như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần TCO Agri	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 22.

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí lãi trái phiếu	17.550.000.000	5.850.000.000
Chi phí lãi vay	3.031.319.221	1.384.268.585
	20.581.319.221	**7.234.268.585**
Trong đó: Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**324.258.141**	**1.384.268.585**

12. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ	Trong kỳ			Số cuối kỳ
	VND	VND			VND
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Điều chỉnh khác	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu chuyển đổi (i)	257.320.454.547	-	-	1.963.636.365	259.284.090.912
Công ty Cổ phần TCO Logistics (ii)	57.569.840.000	700.000.000	310.000.000	-	57.959.840.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate (ii)	13.369.851.672	1.820.000.000	-	-	15.189.851.672
	328.260.146.219	**2.520.000.000**	**310.000.000**	**1.963.636.365**	**332.433.782.584**

(i) Phản ánh giá trị 2.600 trái phiếu chuyển đổi cho các nhà đầu tư cá nhân với tổng số tiền mệnh giá là 260.000.000.000 VND và lãi suất cố định 9%. Với mỗi trái phiếu, khi thực hiện quyền chuyển đổi, nhà đầu tư sẽ nhận được 10.000 cổ phiếu. Trái phiếu đáo hạn vào ngày 07 tháng 7 năm 2026.

	Số cuối kỳ VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	260.000.000.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	(2.363.636.364)
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	**257.636.363.636**
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu	**1.772.727.273**
Số đầu kỳ	59.090.910
Số phân bổ trong kỳ	1.713.636.363
Số cuối kỳ	1.772.727.273
Trừ: Giá trị phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	**(124.999.997)**
Số đầu kỳ	(374.999.999)
Chi phí phát hành trái phiếu	-
Số phân bổ trong kỳ	250.000.002
Số cuối kỳ	(124.999.997)
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	**259.284.090.912**

(ii) Phản ánh các khoản vay không có tài sản đảm bảo với mục đích bổ sung vốn lưu động theo hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVNB ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Công ty với Công ty Cổ phần TCO Real Estate - công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần TCO Logistics - công ty con của Công ty đến ngày 31 tháng 3 năm 2026. Các khoản vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất là 4,6%/năm.

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2025						
Số đầu kỳ trước	**187.110.000.000**	**29.926.933.100**	**-**	**2.781.094.734**	**101.924.598.729**	**321.742.626.563**
Tăng vốn trong kỳ	126.096.220.000	(29.926.933.100)	-	(2.781.094.734)	(93.388.192.166)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	27.636.009.265	27.636.009.265
Số dư cuối kỳ trước	**313.206.220.000**	**-**	**-**	**-**	**36.172.415.828**	**349.378.635.828**
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026						
Số đầu kỳ này	**313.206.220.000**	**-**	**2.363.636.364**	**-**	**54.298.022.346**	**369.867.878.710**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	23.935.898.262	23.935.898.262
Số dư cuối kỳ này	**313.206.220.000**	**-**	**2.363.636.364**	**-**	**78.233.920.608**	**393.803.776.972**

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	31.320.622	31.320.622
Cổ phiếu phổ thông	*31.320.622*	*31.320.622*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.320.622	31.320.622
Cổ phiếu phổ thông	*31.320.622*	*31.320.622*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 313.206.220.000 VND (tại ngày 30 tháng 9 năm 2025: 313.206.220.000 VND) và vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Thái Huy	64.778.000.000	21%	-	0%
Ông Nguyễn Hoàng Nam	495.490.000	0%	56.114.360.000	18%
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	-	0%	63.151.070.000	20%
Cổ đông khác	247.932.730.000	79%	193.940.790.000	62%
	313.206.220.000	**100%**	**313.206.220.000**	**100%**

14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh gạo	978.109.790	21.435.972.100
Doanh thu cho thuê	360.000.000	360.000.000
	1.338.109.790	**21.795.972.100**
Trong đó: Doanh thu từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**815.000.000**	**360.000.000**

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh gạo	803.689.790	407.202.100
Giá vốn cho thuê	324.586.080	160.032.600
	1.128.275.870	**567.234.700**

16. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.849.972.840	1.736.677.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.350.839.676	2.476.343.038
Chi phí khác	502.840.498	732.118.155
	4.703.653.014	**4.945.138.522**

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi thoái vốn công ty con	46.668.000.000	-
Lãi tiền gửi, cho vay	323.728.031	908.839
Thu nhập từ cổ tức	-	23.358.200.000
	46.991.728.031	**23.359.108.839**
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**323.377.486**	**23.358.200.000**

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay, trái phiếu	15.060.686.999	10.961.928.745
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	250.000.002	-
	15.310.687.001	**10.961.928.745**
Trong đó: Chi phí tài chính với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 22)	**1.647.050.636**	-

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	1.849.972.840	1.736.677.329
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.026.253.596	2.316.310.438
Khác	502.840.498	732.118.155
	4.379.066.934	**4.785.105.922**

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	3.575.891.327	1.191.373.047
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**3.575.891.327**	**1.191.373.047**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**27.511.789.589**	**28.827.382.312**
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
Trừ:	-	**23.358.200.000**
Thu nhập không chịu thuế	-	*23.358.200.000*
Cộng:	**2.425.262.847**	**487.682.923**
Chi phí không được trừ khác	*362.933.974*	*487.682.923*
Chi phí lãi vay không được trừ	*2.062.328.873*	-
Chuyển lỗ	**12.057.595.803**	-
Thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	**17.879.456.633**	**5.956.865.235**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành	**3.575.891.327**	**1.191.373.047**

Các khoản chi phí lãi vay không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("chi phí lãi vay không được trừ") được chuyển sang kỳ sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 (năm) năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay không được trừ đó.

21. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Thuê tài sản

Các khoản thuê hoạt động bao gồm các khoản thuê văn phòng, thuê kho với thời hạn từ 01 đến 05 năm. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Từ 1 năm trở xuống	1.599.463.020	1.918.533.216
Trên 1 năm đến 5 năm	1.808.403.926	3.928.522.000
	3.407.866.946	**5.847.055.216**

Cam kết vốn

Trong kỳ, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương đầu tư một số dự án với tổng vốn đầu tư dự kiến không vượt quá 2.200.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 07/2026/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua chủ trương đầu tư và sở hữu từ 65% đến 90% quyền biểu quyết tại Công ty TNHH Pacific Lines với tổng giá trị đầu tư dự kiến không vượt quá 250.000.000.000 VND.

Cam kết khác

Công ty có cam kết bảo lãnh thanh toán cho khoản vay ngân hàng cho Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics - công ty con gián tiếp của Công ty đến ngày 31 tháng 3 năm 2026 với hạn mức bảo lãnh là 5.700.000.000 VND và Công ty Cổ phần TCO Real Estate - công ty con của Công ty với với giá trị bảo lãnh là 297.000.000.000 VND.

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần TCO Agri	Công ty con
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Enterprise	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Công ty con (đến ngày 31 tháng 3 năm 2026)
Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2026)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Công ty con gián tiếp (đến ngày 31 tháng 3 năm 2025)
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác	Thành viên quản lý chủ chốt

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần TCO Agri	635.000.000	180.000.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	180.000.000	180.000.000
	815.000.000	**360.000.000**
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần TCO Agri	14.253.000.000	22.050.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam An	Không còn là bên liên quan	13.641.200.000
	14.253.000.000	**35.691.700.000**
Đi vay		
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	1.820.000.000	13.146.650.000
Công ty Cổ phần TCO Logistics	700.000.000	7.016.580.000
	2.520.000.000	**20.163.230.000**
Chi phí lãi vay		
Công ty Cổ phần TCO Logistics	1.322.792.495	-
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	324.258.141	-
	1.647.050.636	**-**
Trả gốc vay		
Công ty Cổ phần TCO Logistics	310.000.000	155.000.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	-	516.650.000
	310.000.000	**671.650.000**
Cho vay		
Công ty Cổ phần TCO Agri	20.905.000.000	9.230.000.000
	20.905.000.000	**9.230.000.000**
Thu hồi gốc cho vay		
Công ty Cổ phần TCO Agri	7.537.000.000	-
	7.537.000.000	**-**
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần TCO Agri	323.377.486	-
	323.377.486	**-**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Cổ tức được nhận		
Công ty Cổ phần TCO Agri	-	18.531.430.000
Công ty Cổ phần TCO Logistics	-	3.033.420.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	-	1.793.350.000
	-	**23.358.200.000**
Góp vốn		
Công ty Cổ phần TCO Agri	-	18.290.000.000
	-	**18.290.000.000**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần TCO Agri	486.000.000	297.000.000
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	189.000.000	-
	675.000.000	**297.000.000**
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần TCO Agri	30.380.927.500	26.062.371.750
	30.380.927.500	**26.062.371.750**
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần TCO Agri (i)	23.074.330.000	9.706.330.000
	23.074.330.000	**9.706.330.000**
Phải thu ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần TCO Agri	21.835.203.431	21.511.825.945
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	-	3.273.000
	21.835.203.431	**21.515.098.945**
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Một thành viên TCO Logistics	Không còn là bên liên quan	1.080.000
		1.080.000
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	324.258.141	-
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Không còn là bên liên quan	1.384.268.585
	324.258.141	**1.384.268.585**
Vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần TCO Real Estate	15.189.851.672	13.369.851.672
Công ty Cổ phần TCO Logistics	Không còn là bên liên quan	57.569.840.000
	15.189.851.672	**70.939.691.672**

(i) Phản ánh các khoản cho vay tín chấp theo hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVNB ngày 01 tháng 01 năm 2025 với thời gian đáo hạn từ tháng 8 năm 2026 đến tháng 3 năm 2027. Các khoản cho vay có thời hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất là 4,6%/năm.

Thù lao và tiền lương chi trả cho các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty, ủy ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và các người điều hành khác như sau:

		Thù lao và tiền lương	
		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Tên	**Chức vụ**		
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026)	294.424.475	30.000.000
Ông Bùi Lê Quốc Bảo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2026) Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2026)	259.800.104	231.176.350
Ông Võ Ngọc Thiêm	Thành viên độc lập, Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	18.000.000	-
Ông Nguyễn Thế An	Kế toán trưởng	473.600.000	392.800.000
Bà Cao Mỹ Anh	Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	9.000.000	1.500.000
Bà Lữ Kiều An	Phụ trách quản trị	140.428.000	118.640.000

23. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Nguyễn Thế An
Người lập biểu/Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN JANUS GROUP
JANUS GROUP
M.S.D.N: 0200793081

Ching Heng Hoe
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 5 năm 2026